ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TẦM VU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2311 /QĐ-UBND	*Tầm Vu, ngày 20 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án Cầu 30/4 (ấp Tân Xuân)
Địa điểm: xã Tầm Vu, tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TẦM VU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 209/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Tầm Vu về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Tầm Vu về việc điều chỉnh tên danh mục, phân bổ vốn và giao Ban Quản lý dự án xã Tầm Vu làm chủ đầu tư các công trình xây dựng cơ bản năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của UBND xã Tầm Vu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cầu 30/4 (ấp Tân Xuân);

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án xã Tầm Vu tại Tờ trình số 278/TTr-BQLDA ngày 19/11/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cầu 30/4 (ấp Tân Xuân) với các nội dung chủ yếu như sau:

1.Tên dự án: Cầu 30/4 (ấp Tân Xuân)

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư công nhóm C.
- Loại, cấp công trình chính: Công trình giao thông, cấp III.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: hạng mục cầu: 50 năm; hạng mục đường: 15 năm.

3. Mã định danh (nếu có): Không.

4. Địa điểm xây dựng: xã Tầm Vu, tỉnh Tây Ninh.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Tầm Vu.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án xã Tầm Vu.

7. Nhà thầu tư vấn khảo sát lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty Cổ phần TVXD Giao thông Long An - Mã số doanh nghiệp: 1100624194.

8. Mục tiêu dự án: Đảm bảo an toàn giao thông, cải thiện vệ sinh môi trường và nâng cao mỹ quan đô thị khu vực dự án đi qua. Đồng thời, từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và mạng lưới giao thông liên kết, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Quy mô:

- Cầu chính: Cầu thuộc xã Tầm Vu, tỉnh Tây Ninh, có điểm đầu tại Km0+117,16 và điểm cuối tại Km0+280,81 trên tuyến đường 30/4, chiều dài phạm vi xây dựng 163,65m. Xây dựng mới cầu vĩnh cửu bằng bê tông cốt thép (BTCT) và bê tông cốt thép dự ứng lực (BTCT DUL). Tải trọng thiết kế: 0,5HL93 (tương đương 10T). Cao độ đáy dầm bằng cao độ đáy dầm cầu hiện hữu. Khổ cầu rộng 8,00m, gồm phần xe chạy 7,00m và hai lan can, mỗi bên 0,50m. Tĩnh không thông thuyền tính từ mực nước cao nhất trong đập là 1,92m; chiều rộng 13,00m.

- Đường vào cầu: Cấp thiết kế tương đương đường cấp IV theo TCVN 4054:2005, tốc độ thiết kế 50 km/h. Tải trọng trục thiết kế: trục đơn 80 kN (8T). Tải trọng thiết kế cống: cống dọc thuộc loại cống vỉa hè; cống ngang đường thuộc loại hoạt tải H30-XB80.

9.2. Giải pháp thiết kế:

a) Phần cầu:

- Tim cầu xây dựng mới bám theo tim cầu hiện hữu.

- Kết cấu phần trên:

+ Sơ đồ nhịp gồm ba nhịp giản đơn 16m + 16m + 16m; tổng chiều dài cầu 48,90m tính đến sau tường hậu mố.

+ Mặt cắt ngang gồm 06 dầm chữ I bằng BTCT DUL (0,5HL93) dài 16m, đúc tại nhà máy, khoảng cách giữa các dầm chủ 1,38m.

+ Bản mặt cầu bằng BTCT dày 17,5cm, đúc tại chỗ; phủ lớp bê tông nhựa dày 5cm, độ dốc ngang 1,50%.

+ Hệ thống thoát nước mặt cầu bố trí ống thoát nước STK Ø150mm.

+ Gờ chắn bằng BTCT đúc tại chỗ; lan can bằng thép STK.

+ Khe co giãn bằng thép dạng răng lược tại mố; tại trụ bố trí bản liên tục nhiệt.

+ Gối cầu bằng cao su, đặt trên đá kê bằng BTCT.

- Kết cấu phần dưới:

+ Mố M1, M2: Mố chữ U, thân mố và tường cánh bằng BTCT đổ tại chỗ. Móng cọc BTCT, mỗi mố 14 cọc tiết diện 35×35cm, bố trí thành 2 hàng; chiều dài dự kiến 25m/cọc, sức chịu tải 28T/cọc. Sau mố đặt bản quá độ dày 30cm bằng BTCT.

+ Trụ T1, T2: Hai trụ có kết cấu giống nhau, dạng trụ dẻo đài cao. Thân trụ và mũ trụ bằng BTCT đổ tại chỗ. Móng cọc BTCT tiết diện 35×35cm, mỗi trụ 14 cọc bố trí thành 2 hàng; chiều dài dự kiến 26m/cọc, sức chịu tải 35T/cọc.

- Trang trí cầu: Cầu nằm trong khu vực đông dân cư, gần chùa; được trang trí cảnh quan, tạo mỹ quan cho khu vực.

b) Đường dẫn vào cầu:

- Tổng chiều dài đường dẫn 114,75m, gồm phía mố M1 dài 57,54m và phía mố M2 dài 57,21m. Tim tuyến bám theo tim đường hiện hữu.

- Cao độ thiết kế bám cao độ mặt đường hiện hữu và bù phụ kết cấu mặt đường dày tối thiểu 7cm. Đoạn giáp mố vuốt dốc đến cao độ đỉnh mố.

- Mặt đường rộng 7,00m (2 bên, mỗi bên 3,50m); vỉa hè rộng 3,00m (2 bên, mỗi bên 1,50m); nền đường rộng 10,00m.

- Kết cấu mặt đường:

+ Phạm vi mặt đường hiện hữu: Mặt đường BTNN C12,5 dày 7 cm, tưới nhựa lót tiêu chuẩn 1,0 kg/m²; đoạn tiếp giáp đường hiện hữu bù phụ bằng lớp BTNN C12,5 tạo độ dốc, tưới nhựa lót tiêu chuẩn 0,5 kg/m²; đoạn tạo dốc tiếp giáp cầu bù phụ bằng lớp cấp phối đá dăm đầm chặt K ≥ 0,98. Trước khi thi công các lớp trên, cày sọc mặt đường hiện hữu.

+ Phạm vi mặt đường mở rộng: Mặt đường BTNN C12,5 dày 7 cm, tưới nhựa lót tiêu chuẩn 1,0 kg/m². Lớp móng gồm cấp phối đá dăm loại 1 dày 30 cm và loại 2 dày 15 cm, đầm chặt K ≥ 0,98. Đào khuôn đến cao độ thiết kế, lu lèn 30 cm trên cùng đạt K ≥ 0,98.

- Bó vỉa bằng BTXM đổ tại chỗ, dạng vát cạnh; bó hè bằng BTXM đổ tại chỗ; vỉa hè lát gạch Terrazzo.

c) Hệ thống thoát nước: Làm mới hệ thống thoát nước dọc đặt dưới vỉa hè hai bên tuyến, thoát ra kênh. Cống Ø80; hố ga kích thước 1,4×1,4m bằng BTCT.

d) Hệ thống chiếu sáng: Bố trí một bên tuyến trên vỉa hè. Trụ đèn thép ống côn tròn cao 8m; sử dụng đèn LED năng lượng mặt trời công suất 100W.

9.3. Phần đảm bảo giao thông: Quá trình thi công xây dựng cầu mới, việc đảm bảo giao thông đi lại của nhân dân trong khu vực bằng các tuyến đường hiện hữu lân cận.

9.4. Phần an toàn giao thông: Lắp đặt biển báo tên cầu, lan can thép STK. Tất cả quy cách biển báo hiệu được kẻ và cắm theo đúng quy định.

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 4054:2005 – Đường ô tô. Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 13592:2022 – Đường đô thị. Yêu cầu thiết kế;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN – Áo đường mềm. Yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCVN 5574:2018 – Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 11823:2017 – Thiết kế cầu đường bộ;
- TCVN 10304:2025 – Thiết kế móng cọc;
- TCVN 4453:2025 – Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối. Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4447:2012 – Công tác đất. Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 13194:2020 – Kết cấu thép. Lắp dựng và nghiệm thu;
- TCVN 8859:2023 – Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô

tô. Vật liệu, thi công và nghiệm thu;

- TCVN 13567:2022 – Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng. Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8818-1:2025 – Nhựa đường lỏng. Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 9436:2012 – Nền đường ô tô. Thi công và nghiệm thu;

- QCVN 18:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng;

- QCVN 41:2024/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn ngành khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 14.336.000.000 đồng. *(Bằng chữ: Mười bốn tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu đồng).* Trong đó:

- Chi phí giải phóng mặt bằng:	2.777.871.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	**9.429.195.000 đồng;**
+ Chi phí xây dựng cầu chính và đường dẫn vào cầu:	9.326.602.000 đồng;
+ Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công:	102.593.000 đồng;
- Chi phí thiết bị:	**0 đồng;**
- Chi phí quản lý dự án:	**261.145.000 đồng;**
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	**678.223.000 đồng;**
+ Chi phí khảo sát:	36.614.000 đồng;
+ Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật:	277.891.000 đồng;
+ Chi phí thẩm tra thiết kế:	15.855.000 đồng;
+ Chi phí thẩm tra dự toán:	15.482.000 đồng;
+ Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT:	32.270.000 đồng;
+ Chi phí giám sát khảo sát:	1.380.000 đồng;
+ Chi phí giám sát thi công xây dựng:	298.731.000 đồng;
- Chi phí khác:	**138.827.000 đồng;**
+ Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng:	55.321.000 đồng;
+ Chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán:	50.616.000 đồng;
+ Chi phí bảo hiểm công trình:	18.999.000 đồng;
+ Chi phí đảm bảo giao thông:	11.167.000 đồng;
+ Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng:	2.724.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	**1.050.739.000 đồng.**

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2028, dự án chỉ triển khai khi được bố trí vốn và đáp ứng đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Ngân sách xã.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có);

phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không có.

16. Các nội dung khác (nếu có): Không có.

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án xã Tầm Vu phối hợp với các ngành triển khai, lập thủ tục, hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng Phòng Kinh tế xã, Giám đốc Ban quản lý dự án xã và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thật